TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÔN ĐẢO** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** Bản án số: 07/2022/HS-ST Ngày: 10-3-2022	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Thái

Ông Phan Tiến Dũng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Thụy và bà Nguyễn Thị Nguyệt Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 06/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị V (tên gọi khác: P), sinh năm: 1973 tại Bắc Ninh; Hộ khẩu thường trú: Khu phố Chùa Dận, phường Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư số 2, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thạc Giao và bà Nguyễn Thị My; Chồng: Trần Văn B (đã chết) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1995; Bị cáo là con thứ tám trong gia đình có chín anh chị em; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt giữ ngày 01-10-2021, chuyển tạm giam ngày 10-10-2021, "Có mặt".

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cao Thế T, sinh năm 1994 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 6, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Cao Vũ L, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

3. Bà Lê Hồng Y, sinh năm 1978 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 2, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Ông Lê Phước T, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Bà Mai Thị N, sinh năm 1966 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 7, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1994 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Ông Nguyễn Phước N, sinh năm 1976 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

8. Bà Nguyễn Thanh P, sinh năm 1968 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

9. Bà Nguyễn Thanh P, sinh năm 1974 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

10. Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1981 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 5, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

11. Bà Trương Ngọc L, sinh năm 1973 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 10, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

12. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 7, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

13. Bà Thái Thị Thu C, sinh năm 1971 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

14. Ông Đậu Như C, sinh năm 1988 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2021, tại huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Thị V đã cho người khác (14 người) vay

tiền với lãi suất cao để hưởng L bất chính. V cho vay theo hai hình thức là vay tiền đứng và vay trả góp và quy định mức lãi suất cho vay đối với khoản vay tiền đứng là vay 10.000.000đồng, trả lãi 100.000đồng/ngày và vay tiền góp là vay 5.000.000đồng, góp 250.000đồng/ngày, góp trong vòng 24 ngày. Cụ thể từng người vay và các khoản vay như sau:

I. Bà Trương Ngọc L (Sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Khu dân cư số 10, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

- Lần 1: Ngày 15/02/2021, bà Trương Ngọc L vay Nguyễn Thị V 5 triệu đồng theo hình thức trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, tương đương lãi suất 300%/năm, cao gấp 15 lần so với quy định của Bộ luật Dân sự (BLDS). Trong vòng 24 ngày bà L đã trả cả gốc và lãi là 6 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

1 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 65.753 đồng (mức lãi suất 20%/năm theo quy định của BLDS) = Thu L bất chính **934.247 đồng.**

- Lần 2: Ngày 05/03/2021, bà L tiếp tục vay bà V **10 triệu đồng** theo hình thức trên, trong vòng 24 ngày bà L đã trả cả gốc và lãi là 12 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

2 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 131.507 đồng = **1.868.493 đồng.**

- Lần 3: Ngày 20/8/2021, bà L vay **20 triệu đồng** với lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS. Trong vòng 05 ngày V thu 1 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

1 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 54.795 đồng = **945.205 đồng.**

- Lần 4: Ngày 25/8/2021, bà L tiếp tục vay **25 triệu đồng,** cộng với 20 triệu đồng vay ngày 20/8/2021 thì tổng số tiền bà V cho bà L vay là 45 triệu đồng, thu lãi 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS. Trong vòng 20 ngày V đã thu 9 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

9 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 493.151 đồng = **8.506.849 đồng.**

- Lần 5: Ngày 15/9/2021, bà L tiếp tục vay **25 triệu đồng,** cộng với 45 triệu đồng vay các ngày 20/8/2021 và 25/8/2021 thì tổng số tiền bà V cho bà L vay là 70 triệu đồng, thu lãi 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS. Từ ngày 15/9/2021 đến ngày 19/9/2021, V đã thu 3,5 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

3.500.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 191.781 đồng = **3.308.219 đồng**.

Như vậy, Nguyễn Thị V cho bà Trương Ngọc L vay 05 lần với số tiền là 85 triệu đồng, lãi suất từ 300% đến 365%/năm. Bà L đã trả tiền gốc cho bà V 15 triệu đồng; trả tiền lãi 16,5 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 15.563.014 đồng. Số tiền gốc bà Trương Ngọc L còn nợ Nguyễn Thị V là: 70 triệu đồng.

II. Bà Thái Thị Thu C (Sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

- Lần 1: Ngày 15/8/2021, bà Thái Thị Thu C vay của Nguyễn Thị V **30 triệu đồng** với lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS. Ngày 16/9/2021, bà C đã trả tiền gốc 30 triệu đồng và 500.000 đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính :

500.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 32.877 đồng = **467.123 đồng.**

- Lần 2: Ngày 20/8/2021, bà C vay tiếp tục vay **50 triệu đồng** với lãi suất như trên. Đến ngày 30/9/2021, V đã thu 18 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

18 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 1.150.685 đồng = **16.849.315 đồng.**

- Lần 3: Ngày 01/9/2021, với lãi suất như trên, bà C vay thêm bà V **50 triệu đồng**. Đến ngày 25/9/2021, V đã thu 10 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

10 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 684.932 đồng = **9.315.068 đồng.**

Như vậy, Nguyễn Thị V cho bà Thái Thị Thu C vay 03 lần với số tiền **130 triệu đồng,** lãi suất 365%/năm. Bà C đã trả tiền gốc cho bà V 30 triệu đồng; trả tiền lãi 28,5 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: **26.631.507 đồng**. Số tiền gốc bà C còn nợ Nguyễn Thị V là **100 triệu đồng**.

III. Ông Nguyễn Phước N (Sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

- Lần 1: Ngày 01/7/2021, ông Nguyễn Phước N vay của Nguyễn Thị V số tiền **50 triệu đồng**, thu lãi 380.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 277,4%/năm, cao gấp 13,87 lần so với quy định của BLDS. Đến ngày 21/8/2021, V đã thu 19.760.000 đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

19.760.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 1.424.658 đồng = **18.335.342 đồng.**

- Lần 2: Ngày 19/8/2021, ông N vay **30 triệu đồng** theo hình thức trả góp trong vòng 23 ngày, mỗi ngày trả 1,5 triệu đồng, tương đương lãi suất

237,3%/năm, cao gấp 11,87 lần so với quy định của BLDS. Góp 02 ngày được số tiền 3 triệu đồng, ông N không có khả năng góp tiếp nên V chuyển 30 triệu đồng tiền trả góp qua tiền nóng. Số tiền V thu lời bất chính:

3 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 32.877 đồng = **2.967.123 đồng.**

Ngày 21/8/2021, V và ông N thống nhất tổng số tiền N nợ V mục 1 và mục 2 là **80 triệu đồng**, thu lãi 650.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 295,7%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS. Đến ngày 28/9/2021, V đã thu 20,8 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

20.800.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 1.621.918 đồng = **19.178.082 đồng.**

- Lần 3: Ngày 13/8/2021, ông N vay **20 triệu đồng** theo hình thức trả góp trong vòng 23 ngày, mỗi ngày trả 1 triệu đồng, tương đương lãi suất 237,3%/năm, cao gấp 14,79 lần so với quy định của BLDS. Ông N góp cho V đến ngày 26/8/2021 được 13 ngày với số tiền 13 triệu đồng thì ông N không còn khả năng góp nữa nên V đưa lại cho ông N 10 triệu đồng để thối dây, xem như **vay tiếp 20 triệu đồng** và trả góp từ ngày 26/8/2021. Như vậy V đã thu lãi 3 triệu đồng từ số tiền vay góp ngày 13/8/2021. Số tiền V thu lời bất chính :

3 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 142.466 đồng = **2.857.534 đồng**.

- Lần 4: Ngày 21/8/2021, ông N tiếp tục vay **20 triệu đồng** theo hình thức trả góp trong vòng 23 ngày, mỗi ngày trả 1 triệu đồng, tương đương lãi suất 237,3%/năm, cao gấp 11,87 lần so với quy định của BLDS. Ông N đã trả cả gốc và lãi 23 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính :

3 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 252.055 đồng = **2.747.945 đồng.**

Như vậy, Nguyễn Thị V cho ông Nguyễn Phước N vay 04 lần với số tiền **140.000.000 đồng,** lãi suất từ 237,3%/năm đến 295,7%/năm. Ông N đã trả tiền gốc cho bà V 40 triệu đồng; trả tiền lãi 49,46 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 46.086.026 đồng. Số tiền gốc ông N còn nợ Nguyễn Thị V là 100 triệu đồng.

IV. Ông Đậu Như C (Sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

- Lần 1: Ngày 25/4/2021, ông Đậu Như C vay của Nguyễn Thị V **10 triệu đồng** theo hình thức trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, tương đương lãi suất 303%/năm, cao gấp 15,15 lần so với quy định của BLDS. Ông C đã trả cả gốc và lãi 12 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính :

2 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 131.507 đồng = **1.868.493 đồng.**

- Lần 2: Ngày 25/6/2021, ông C vay **10 triệu đồng** theo hình thức trả góp trong vòng 12 ngày, mỗi ngày góp 1 triệu đồng, tương đương lãi suất 610%/năm. Ông C đã trả cả gốc và lãi 12 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính :

2 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 65.753 đồng = **1.934.247 đồng.**

- Lần 3: Ngày 5/7/2021, ông C tiếp tục vay **10 triệu** theo hình thức như mục 2. Góp đến ngày 12/7/2021 được 06 ngày với số tiền 6 triệu đồng thì ông C không còn khả năng đóng tiền nên V đã chuyển 6 triệu đồng còn phải góp qua tiền nóng. Số tiền V thu lời bất chính:

2 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 32.877 đồng = **1.967.123 đồng.**

- Lần 4: Cùng ngày 05/7/2021, ông C vay **10 triệu đồng** với lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS. Đến ngày 12/7/2021, bà V nhập số tiền 6 triệu đồng C mất khả năng góp (khoản vay tại mục 3) thành 16 triệu đồng. Đến ngày 14/9/2021, trong vòng 71 ngày, C đã trả lãi cho bà V 12 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

1**2 triệu đồng tiền lời** - lãi hợp pháp 622.466 đồng = **11.377.534 đồng**.

- Lần 5: Ngày 29/6/2021, ông C vay **10 triệu đồng**, lãi suất 2%/ngày, tương đương lãi suất 730%/năm, cao gấp 36,5 lần so với quy định của BLDS. Ngày 14/9/2021, ông C đã trả số tiền lãi là 14 triệu đồng. Như vậy số tiền bị can V thu lời bất chính :

14 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 421.918 đồng = **13.578.082 đồng.**

Như vậy, Nguyễn Thị V cho ông Đậu Như C vay 05 lần với số tiền **50 triệu đồng,** với lãi suất từ 303%/năm đến 730%/năm. Ông C đã trả tiền gốc cho bà V 24 triệu đồng; trả tiền lãi 32 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 30.725.479 đồng. Số tiền gốc ông C còn nợ Nguyễn Thị V là 26 triệu đồng.

V. Ông Cao Thế T (Sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Khu dân cư số 6, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

- Lần 1: Ngày 07/6/2021, ông Cao Thế T vay của Nguyễn Thị V **30 triệu đồng**, lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS. Đến ngày 17/7/2021, trong vòng 41 ngày, T đã trả lãi cho bà V 15 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính :

15 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 673.973 đồng = **14.326.027 đồng.**

- Lần 2: Ngày 21/6/2021, ông T vay **20 triệu đồng** theo hình thức trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 1 triệu đồng, tương đương lãi suất 303%/năm,

cao gấp 15,15 lần so với quy định của BLDS. Ông T đã *trả cả gốc và lãi* số tiền 24 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính :

4 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 263.014 đồng = **3.736.986 đồng.**

- Lần 3: Ngày 7/7/2021, ông T vay **40 triệu đồng** theo hình thức trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 2 triệu đồng. Ông T trả góp được 11 ngày với số tiền 22 triệu đồng thì không còn khả năng trả góp nên thống nhất với bà V cho T nợ lại 26 triệu đồng. Bà V đồng ý, đồng thời bớt cho T 1 triệu và chuyển 25 triệu đồng tiền gốc qua tiền nóng. Như vậy, T đã trả cho bà V tiền gốc 15 triệu đồng và trả lãi 7 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

7 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 241.096 đồng = **6.758.904 đồng.**

- Lần 4: Ngày 20/7/2021 đến ngày 26/7/2021 (07 ngày), ông T trả lãi cho số tiền **25 triệu đồng** (chuyển từ trả góp sang tiền nóng tại mục 3) là 1.750.000 đồng (lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS). Số tiền V thu lời bất chính:

1.750.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 95.890 đồng = **1.654.110 đồng.**

Như vậy, Nguyễn Thị V cho ông Cao Thế T vay 03 lần với số tiền **90 triệu đồng,** lãi suất từ 303%/năm đến 365%/năm. Ông T đã trả tiền gốc cho bà V 35 triệu đồng; trả tiền lãi 27,75 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 26.476.027 đồng. Số tiền gốc ông C còn nợ Nguyễn Thị V là **55 triệu đồng**. Ngày 03/8/2021, mẹ T là bà Trần Thị Thu Thuỷ đã trả hết số tiền gốc còn nợ cho bà V.

VI. Bà Nguyễn Kim L (Sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Với lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS, thu lãi hàng ngày đến 26/9/2021, bà V đã cho bà Nguyễn Kim L vay các khoản sau:

- Lần 1: Ngày 20/7/2021, vay **10 triệu đồng**. Trong vòng 69 ngày, V thu được 6,9 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

6,9 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 378.082 đồng = **6.521.918 đồng.**

- Lần 2: Ngày 30/7/2021, vay tiếp **10 triệu đồng**. Trong vòng 59 ngày, bà V thu được 5,9 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

5,9 triệu tiền lời - lãi hợp pháp 323.288 đồng = **5.576.712 đồng**.

- Lần 3: Ngày 25/8/2021, vay thêm **10 triệu đồng**. Trong vòng 33 ngày, bà V thu được 3,3 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

3,3 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 180.822 đồng = **3.119.178 đồng.**

- Lần 4: Ngày 17/9/2021, vay **10 triệu đồng**. Trong vòng 10 ngày, bà V thu được 1 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

1 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 54.795 đồng = **945.205 đồng.**

Như vậy, Nguyễn Thị V cho bà Nguyễn Kim L vay 04 lần với số tiền **40 triệu đồng,** lãi suất 365%/năm. Bà L trả tiền lãi 17,1 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 16.163.014 đồng. Số tiền gốc bà L còn nợ Nguyễn Thị V là 40 triệu đồng.

VII. Bà Lê Hồng Y (Sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Khu dân cư số 2, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

- Lần 1: Đầu tháng 6/2021, bà Lê Hồng Y **03 lần vay** của Nguyễn Thị V mỗi lần **5 triệu** đồng theo hình thức trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, tương đương lãi suất 300%/năm, cao gấp 15 lần so với quy định của BLDS. Vay 03 lần Y *trả cả gốc và lãi 18 triệu*. Số tiền V thu lời bất chính:

3 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 197.260 đồng = **2.802.740 đồng.**

- Lần 2: Ngày 28/9/2021, với lãi suất như trên Y tiếp tục vay **5 triệu** đồng. Y góp được 02 ngày với số tiền 500.000 đồng thì V bị bắt. Số tiền V thu lời bất chính:

500.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 5.479 đồng = **494.521 đồng**.

Như vậy, Nguyễn Thị V cho bà Lê Hồng Y **vay 04 lần** với số tiền 20 triệu đồng, lãi suất 300%/năm. Bà Y đã trả tiền gốc 15 triệu, tiền lãi 3,5 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: **3.297.260 đồng**. Số tiền gốc bà Y còn nợ Nguyễn Thị V là **5.000.000 đồng.**

VIII. Bà Nguyễn Thị V (Sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Khu dân cư số 7, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Với lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS, thu lãi hàng ngày, bà V đã cho bà Nguyễn Thị V vay các khoản sau :

- Lần 1: Tháng 01/2021, vay **30 triệu đồng**. Bà V đã trả số *tiền gốc và tiền lãi trong vòng 30 ngày là 39 triệu đồng*. Số tiền V thu lời bất chính:

9 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 493.151 đồng = **8.506.849 đồng**.

- Lần 2: Tháng 06/2021, bà V vay **30 triệu đồng**, trả tiền lãi trong vòng 20 ngày là 6 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

6 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 328.767 đồng = **5.671.233 đồng**.

- Lần 3: Khoảng 20 ngày sau lần vay thứ 2, bà V vay thêm **30 triệu đồng.** V cộng dồn khoản vay mục 2 nên tổng số tiền bà V vay là 60 triệu đồng. Bà V đã trả tiền lãi trong vòng 20 ngày là 6 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

6 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 657.534 đồng = **5.342.466 đồng**.

- Lần 4: Đầu tháng 7/2021, bà Nguyễn Thị V nhờ bà Nguyễn Thị Thêm (Sinh năm 1979; Nơi cư trú: Khu dân cư số 7, huyện Côn Đảo) vay V 20 triệu đồng. Đến ngày 30/8/2021, trong vòng 60 ngày, bà V đã đưa cho bà Thêm trả cho bà V 12 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

12 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 657.534 đồng = **11.342.466 đồng.**

- Lần 5: Tháng 8/2021, bà V vay tiếp 30 triệu đồng. Vì ảnh hưởng của Covid-19 nên bà V chưa trả tiền lãi cho V.

Đến ngày 30/8/2021, V, bà V và bà Thêm thống nhất bà V sẽ trả cho bà V tiền gốc, tiền lãi bà V và bà Thêm vay chưa trả là 150 triệu đồng, trong đó, tiền gốc là 110 triệu đồng, **tiền lãi là 40 triệu đồng**.

40 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 1.479.452 đồng = **38.520.548 đồng.**

Đến ngày 30/9/2021, do ảnh hưởng của Covid-19 bà V không trả được tiền lãi cho V nên giữa V và bà V thống nhất ***50 triệu tiền lãi*** bà V chưa đóng cho bà V sẽ được cộng vào tiền vay 150 triệu đồng thành 200 triệu đồng vay nóng. Số tiền V thu lời bất chính:

50 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 2.465.753 đồng = **47.534.247 đồng.**

Như vậy, Nguyễn Thị V cho bà Nguyễn Thị V vay 05 lần với số tiền **140 triệu đồng,** lãi suất 365%/năm. Bà V trả tiền gốc 30 triệu, tiền lãi 123 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: **116.917.808** đồng. Số tiền gốc bà V còn nợ Nguyễn Thị V là **110 triệu đồng.**

IX. Bà Nguyễn Thị Bích T (Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Khu dân cư số 5, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Với lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS, thu lãi hàng ngày, bà V cho bà T vay 06 khoản sau :

- Lần 1: Ngày 21/4/2021, bà T vay **5 triệu đồng.** Đến ngày 18/6/2021, trong vòng 59 ngày, bà Tuyền đã trả tiền lãi 2,95 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

2,95 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 161.644 đồng = **2.788.356 đồng**.

- Lần 2: Ngày 25/5/2021, bà T vay thêm 8 triệu đồng. Đến ngày 18/6/2021, trong vòng 25 ngày, bà Tuyền đã trả tiền lãi 2 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

2 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 109.589 đồng = **1.890.411 đồng.**

- Lần 3: Từ ngày 20/7/2021 đến 20/8/2021, bà T vay của V 04 lần với số tiền **27 triệu đồng**, cụ thể : Ngày 20/7 vay 10 triệu đồng; ngày 27/7 vay 7 triệu đồng; ngày 15/8 vay 8 triệu đồng và ngày 20/8 vay 2 triệu đồng. Do tình hình dịch bệnh nên tiền lãi có ngày trả, ngày không nên Vượng không nhớ rõ số tiền lãi đã thu.

Như vậy, Nguyễn Thị V cho bà Nguyễn Thị Bích T vay 06 lần với số tiền **40 triệu đồng,** lãi suất 365%/năm. Bà T trả tiền lãi 4,95 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: **4.678.767 đồng**. Số tiền gốc bà T còn nợ Nguyễn Thị V là **40 triệu đồng.**

X. Bà Nguyễn Thanh P (Sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

- Lần 1: Vào giữa tháng 5/2021, bà P vay **5 triệu đồng** theo hình thức trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, tương đương lãi suất 300%/năm, cao gấp 15 lần so với quy định của BLDS. Bà P góp 12 ngày được 3 triệu đồng, còn nợ lại V 3 triệu đồng thì V đưa tiếp cho chị P 2 triệu đồng xem như hình thành khoản góp mới 5 triệu. Với hình thức này P góp 3 dây 5 triệu, đóng lãi cho V 3 triệu. Từ ngày 20/6/2021, V chuyển 5 triệu đồng tiền góp thành tiền vay nóng, lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS. Số tiền V thu lời bất chính:

3 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 98.630 đồng = **2.901.370 đồng.**

- Lần 2: Với 5 triệu chuyển qua vay nóng từ ngày 20/6/2021, P đã đóng tiền lời đến ngày 30/9/2021 (102 ngày) là 5,1 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

5,1 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 279.452 đồng = **4.820.548 đồng.**

- Lần 3: Với lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS, thu lãi hàng ngày đến 30/9/2021, V cho bà P vay tiếp 04 khoản sau:

- Lần 4: Cuối tháng 5/2021, V cho bà P vay **5 triệu** đồng. Bà P đóng lãi 122 ngày là 6,1 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

6,1 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 334.247 đồng = **5.765.753 đồng.**

- Lần 5: Ngày 05/7/2021, bà P vay **5 triệu** đồng, đóng lãi 88 ngày là 4,4 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

4,4 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 241.096 đồng = **4.158.904 đồng.**

- Lần 6: Ngày 10/7/2021, bà P lại tiếp tục cho vay 5 triệu, đóng lãi 83 ngày là 4,15 triệu đồng tiền lãi. Số tiền V thu lời bất chính:

4,15 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 227.397 đồng = **3.922.603 đồng**.

- Lần 7: Ngày 28/9/2021, bà P vay 2 triệu, đóng 02 ngày được 40.000 đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

40.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 2.192 đồng = **37.808 đồng.**

Như vậy, Nguyễn Thị V cho bà Nguyễn Thanh P vay 07 lần với số tiền **32 triệu đồng,** lãi suất từ 300% đến 365%/năm. Bà P trả tiền gốc 10 triệu, trả lãi 22,79 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: **21.606.986 đồng**. Số tiền gốc bà P còn nợ Nguyễn Thị V là **22 triệu đồng.**

XI. Bà Nguyễn Thanh P (Sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

- Lần 1: Ngày 29/7/2021, bà P vay 2 triệu đồng, góp mỗi ngày 100.000 đồng trong vòng 24 ngày, tương đương lãi suất 303%/năm, cao gấp 15,15 lần so với quy định của BLDS. Bà P đã trả đủ tiền gốc và lãi là 2,4 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

400.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 26.301 đồng = **373.699 đồng.**

- Lần 2: Với lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS, thu lãi hàng ngày đến 30/9/2021, bà V cho bà P vay 04 khoản sau :

+ Ngày 07/8/2021, vay 01 triệu đồng, bà P trả tiền lãi 55 ngày là 550.000 đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

550.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 30.137 đồng = **519.863 đồng.**

+ Ngày 21/8/2021, vay 02 triệu đồng, bà P trả tiền lãi 41 ngày là 820.000 đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

820.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 44.932 đồng = **775.068 đồng**.

+ Ngày 22/8/2021, vay 01 triệu đồng, bà P trả tiền lãi 40 ngày là 400.000 đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

400.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 21.918 đồng = **378.082 đồng.**

+ Ngày 06/9/2021, vay 01 triệu đồng, bà P trả tiền lãi 25 ngày là 250.000 đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

250.000 đồng tiền lời - lãi hợp pháp 13.699 đồng = **236.301 đồng.**

Như vậy, Nguyễn Thị V cho bà Nguyễn Thanh P vay 05 lần với số tiền **7 triệu đồng,** lãi suất từ 303% đến 365%/năm. Bà P trả tiền gốc 02 triệu, trả lãi 2,42 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: **2.283.014 đồng**. Số tiền gốc bà P còn nợ Nguyễn Thị V là **5 triệu đồng.**

XII. Ông Cao Vũ L (Sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Với lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS, thu lãi hàng ngày đến 10/6/2021, bà V cho ông L vay 03 khoản sau:

- Lần 1: Ngày 26/4/2021, vay 05 triệu đồng, ông L trả tiền lãi 46 ngày là 2,3 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

2,3 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 126.027 đồng = **2.173.973 đồng.**

- Lần 2: Ngày 11/5/2021, vay 05 triệu đồng, ông L trả tiền lãi 31 ngày là 1,55 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

1,55 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 84.932 đồng = **1.465.068 đồng.**

- Lần 3: Ngày 30/5/2021, vay 10 triệu đồng, ông L trả tiền lãi 12 ngày là 1,2 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

1,2 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 65.753 đồng = **1.134.247 đồng.**

Như vậy, Nguyễn Thị V cho ông Cao Vũ L vay 03 lần với số tiền 20 triệu đồng, lãi suất 365%/năm. Ông L trả tiền lãi 5,05 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 4.773.288 đồng. Số tiền gốc ông L còn nợ Nguyễn Thị V là 20 triệu đồng.

XIII. Bà Mai Thị N (Sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Khu dân cư số 7, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Ngày 20/8/2021, bà V cho bà N vay 8 triệu đồng, lãi suất 1%/ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần so với quy định của BLDS. Đến ngày 30/9/2021, Vượng thu lãi 42 ngày với số tiền 3,36 triệu đồng. Số tiền V thu lời bất chính:

3,36 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 184.110 đồng = **3.175.890 đồng.**

Như vậy, Nguyễn Thị V cho bà Mai Thị N vay 01 lần với số tiền 8 triệu đồng, lãi suất 365%/năm. Bà N trả tiền lãi 3,36 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: 3.175.890 đồng. Số tiền gốc bà N còn nợ Nguyễn Thị V là 8 triệu đồng.

XIV. Ông Lê Phước T (Sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Vào tháng 04/2021 ông Toàn vay 6 triệu đồng, lãi suất 30%/tháng, tương đương lãi suất 360%/năm, cao gấp 18 lần so với quy định của BLDS. Mỗi tháng ông T đóng 1,8 triệu đồng tiền lời. bà V đã thu lãi 5 tháng được 9 triệu. Số tiền V thu lời bất chính:

9 triệu đồng tiền lời - lãi hợp pháp 493.151 đồng = **8.506.849 đồng.**

Như vậy, Nguyễn Thị V cho ông Lê Phước T vay 01 lần với số tiền **6 triệu đồng,** lãi suất 360%/năm. Ông T trả tiền lãi 9 triệu đồng, trong đó V thu L bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: **8.506.849 đồng**. Số tiền gốc ông T còn nợ Nguyễn Thị V là **6 triệu đồng.**

Quá trình điều tra, từ đầu tháng 1/2021 đến 30/9/2021, Nguyễn Thị V vì mục đích vụ L đã cho 14 người thực hiện 56 gói vay, có mức lãi suất thấp nhất là 237,3%/năm và cao nhất là 730%/ năm. Mức lãi suất này gấp 11,87 lần đến 36,5 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, với tổng số tiền cho vay là 808 triệu đồng. Nguyễn Thị V đã thu được tiền gốc 256 triệu đồng, thu được tiền lãi 345,380 triệu đồng, trong đó: Tiền lãi hợp pháp (mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự) là 18.495.071 đồng; thu L bất chính số tiền 326.884.929 đồng. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Côn Đảo, Nguyễn Thị V đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình (BL: 62 - 86; 107 - 120).

** Vật chứng hiện đang tạm giữ:*

- 01 giấy phép lái xe số 771.952.000.210 của Nguyễn Thanh P, ngày sinh: 05/05/1974, nơi cư trú: Khu 8, huyện Côn Đảo, tỉnh BR -VT, là người vay tiền của Nguyễn Thị V.

- 01 căn cước công dân số 079.088.003.397 mang tên Nguyễn Ngọc V, ngày sinh: 28/9/1988, nơi cư trú: 124/17 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

- 01 chứng minh nhân dân số 125.444.751 của Nguyễn Thị V; Ngày sinh: 05/02/1973; Nơi cư trú: Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh.

- 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân số 024.527.185 của Huỳnh Thị Mỹ H; Ngày sinh: 13/10/1957; Nơi cư trú: 205/18A44 Tân Hòa Đông, P.14, Q.6, Tp. Hồ Chí Minh;

- 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân số 260.977.044 của Bùi Thị Xuân H; Ngày sinh: 1984; Nơi cư trú: Phước Thể, Tuy Phong, B Thuận.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 370.737.763; họ tên Lê Phước T; sinh ngày: 1975; nơi ĐKHK thường trú: Hoà Thuận I, Mong Thọ A, Châu Thành, Kiên Giang; cấp ngày: 21/11/2016; nơi cấp: Công an tỉnh Kiên Giang.

- 01 sổ tay màu vàng ở bìa có ghi "sổ ghi công" bên trong có ghi chữ, số và ký tự được đA số (01).

- 01 quyển vở bìa có chữ ABC bên trong có ghi chữ, số và ký tự được đA số (02); 01 tờ lịch 07/01/2021, mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số (03); 01 tờ giấy có ghi chữ, số và ký tự được đA số (04); 01 bảng kê các loại tiền chi mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số (05); 01 tờ giấy đôi có ghi chữ, số và ký tự được đA số (06); 02 giấy nộp tiền 17/9/2021 của Nguyễn Thị V (07) và (08); 01 tờ giấy đôi có ghi chữ, số và ký tự được đA số (09); 01 tờ lịch 11/02/2019, mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số (10).

- 13 tờ giấy có ghi chữ, số và ký tự được đA số thứ tự từ 01 đến 13; 13 tờ giấy nộp tiền của Nguyễn thị V đA số thứ tự từ 01 đến 13; 09 tờ lịch mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số 01 đến 09.

- Đối với bà Hồ Thị Xuân T là người vay tiền của V hiện đang mắc bệnh nặng đang điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh và đã chết ngày 27/02/2022 nên không xét đến.

- Đối với Trần Văn A (con ruột của Nguyễn Thị V): V khai việc Cao Thế T chuyển tiền vào tài khoản của A là do bị can V nhờ tài khoản. Việc cho Cao Thế T vay tiền và đến nhà của T thu hồi nợ gốc là do một mình bị can V thực hiện, không liên quan đến Trần Văn A. Tại bản tự khai ngày 21/12/2021, Trần Văn A không thừa nhận có giao dịch với Cao Thế T qua tài khoản ngân hàng là không phù hợp với kết quả thu thập tài liệu chuyển khoản qua ngân hàng mà cơ quan điều tra đã thu thập được, tuy nhiên căn cứ vào diễn biến nội dung sự việc cho vay và thu hồi nợ, Cơ quan điều tra kết luận việc cho Cao Thế T vay là do bị can Nguyễn Thị V thực hiện độc lập, không có căn cứ xác định A có liên quan đến hành vi cho vay giữa A và T nên không xem xét xử L đối với A.

- Đối với Trần Văn L (là người sống chung như vợ chồng với V): Quá trình điều tra, xác minh: Vào năm 2020, L chuyển đến và sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị V. Trần Văn L đi làm phụ hồ, không biết V cho vay nên không xem xét xử L đối với Trần Văn L.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKSCĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố Nguyễn Thị

V về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại điểm Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị V về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng Khoản 2 Điều 251; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Về số tiền gốc 808.000.000đồng: Buộc bị cáo giao nộp lại số tiền gốc bị cáo đã nhận là 256.000.000đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước; Buộc những người vay chưa trả cho bị cáo nộp lại số tiền 552.000.000đồng để tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo giao nộp lại số tiền lãi 18.495.071 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà những người vay đã trả cho bị cáo để tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với khoản tiền lãi 326.884.929 đồng tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

- Về xử L vật chứng: Đề nghị xử L theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Côn Đảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến ngày 30/9/2021, bị cáo Nguyễn Thị V đã cho 14 người dân trên địa bàn huyện Côn Đảo vay với tổng số tiền là 808.000.000đồng với lãi suất cho vay từ 237,3%/năm đến 730%/năm, cao hơn từ 11,87 lần đến 36,5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thu L bất chính từ việc cho vay lãi nặng theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự với tổng số tiền là 326.884.929 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm hai mươi chín đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị V đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản L kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng; gây bất B trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự quản L kinh tế, xã hội nói chung. Vì vậy, cần phải được xử L nghiêm để không chỉ có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo mà còn mang tính phòng ngừa chung trong xã hội và cần thiết cho yêu cầu đấu tranh với loại tội phạm này trong tình hình hiện nay tại địa P.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa luôn có thái độ hợp tác khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bởi vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Mặt khác phải nộp lại T bộ số tiền rất lớn là P tiện phạm tội nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: T bộ số tiền gốc 808.000.000đồng bị cáo cho vay là P tiện phạm tội, cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Quá trình điều tra xác định số tiền gốc bị cáo cho vay là 808.000.000đồng, những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo số tiền 552.000.000đồng, cần buộc bị cáo phải nộp lại là 256.000.000đồng.

Đối với khoản tiền gốc 552.000.000đồng mà những người vay chưa trả cho bị cáo, cần buộc những người vay nộp lại để tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi 18.495.071 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà những người vay đã trả cho bị cáo là khoản tiền phát sinh từ tội phạm. Do đó, cần phải tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi 326.884.929 đồng tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, theo quy định bị cáo phải trả lại cho người vay. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về xử L vật chứng:

- Đối với các vật chứng: 01 (một) quyển vở bìa có chữ ABC bên trong có ghi chữ, số và ký tự được đA số (02); 01 tờ lịch 07/01/2021, mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số (03); 01 (một) tờ giấy có ghi chữ, số và ký tự được đA số (04); 01 (một) bảng kê các loại tiền chi mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số (05); 01 (một) tờ giấy đôi có ghi chữ, số và ký tự được đA số (06); 02 (hai) giấy nộp tiền 17/9/2021 của Nguyễn Thị V (07) và (08); 01 (một) tờ giấy đôi có ghi chữ, số và ký tự được đA số (09); 01 (một) tờ lịch 11/02/2019, mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số (10); 13 (mười ba) tờ giấy có ghi chữ, số và ký tự được đA số thứ tự từ 01 đến 13; 13 (mười ba) tờ giấy nộp tiền của Nguyễn thị V đA số thứ tự từ 01 đến 13; 09 (chín) tờ lịch mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số 01 đến 09 và 01 sổ tay màu vàng ở bìa có ghi "sổ ghi công" bên trong có ghi chữ, số và ký tự được đA số (01), các vật chứng này không liên quan đến vụ án và bị cáo cũng không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chứng minh nhân dân số 125.444.751 của Nguyễn Thị V; ngày sinh 05/02/1973; Nơi cư trú: Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh (nơi cấp: Công an tỉnh Bắc

Ninh; cấp ngày 22/7/2008), đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo nên cần giao trả lại cho bị cáo.

- Đối với giấy chứng minh nhân dân số 370.737.763; họ tên Lê Phước T; sinh ngày: 1975; nơi ĐKHK thường trú: Hoà Thuận I, Mong Thọ A, Châu Thành, Kiên Giang; cấp ngày: 21/11/2016; nơi cấp: Công an tỉnh Kiên Giang, đây là giấy tờ cá nhân của người vay tiền nên cần giao trả lại cho ông T.

- Đối với giấy phép lái xe số 771.952.000.210 của Nguyễn Thanh P, ngày sinh: 05/05/1974, nơi cư trú: Khu 8, huyện Côn Đảo, tỉnh BR -VT, là người vay tiền của Nguyễn Thị V, đây là giấy tờ cá nhân của người vay tiền nên cần giao trả lại cho bà P.

- Đối với căn cước công dân số 079.088.003.397 mang tên Nguyễn Ngọc V, ngày sinh: 28/9/1988, nơi cư trú: 124/17 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh; 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân số 024.527.185 của Huỳnh Thị Mỹ H; Ngày sinh: 13/10/1957; Nơi cư trú: 205/18A44 Tân Hòa Đông, P.14, Q.6, Tp. Hồ Chí Minh và 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân số 260.977.044 của Bùi Thị Xuân H; Ngày sinh: 1984; Nơi cư trú: Phước Thể, Tuy Phong, B Thuận, đây là những giấy tờ cá nhân thu giữ tại nhà của bị cáo, không phải giấy tờ cá nhân của những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vì vậy cần giao trả lại cho bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với bà Hồ Thị Xuân T là người vay tiền của V, hiện đang mắc bệnh nặng đang điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh và đã chết ngày 27/02/2022 nên không xem xét đối với trường hợp này là phù hợp.

- Đối với Trần Văn A (con ruột của Nguyễn Thị V): Ông Trần Văn A không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không xem xét xử L đối với A là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Trần Văn L (là người sống chung như vợ chồng với V): Ông L không biết việc bị cáo cho vay lãi nặng, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Trần Văn L.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị V (tên gọi khác: P) phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 201; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 01-10-2021.

2. Về biện pháp tư pháp và xử L vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Biện pháp tư pháp:

* Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải nộp lại số tiền gốc 256.000.000đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh từ hành vi cho vay lãi nặng 18.495.071 đồng (Mười tám triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi mốt đồng). Tổng cộng bị cáo Nguyễn Thị V phải nộp 274.495.071 đồng (Hai trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn không trăm bảy mươi mốt đồng).

* Buộc những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan trong vụ án phải nộp lại số tiền 552.000.000đồng (Năm trăm năm mươi hai triệu đồng) còn nợ của bị cáo Nguyễn Thị V để nộp vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Bà Trương Ngọc L phải nộp lại 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng);
- Bà Thái Thị Thu C phải nộp lại 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng);
- Ông Nguyễn Phước N phải nộp lại 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng);
- Ông Đậu Như C phải nộp lại 26.000.000đồng (Hai mươi sáu triệu đồng);
- Bà Nguyễn Kim L phải nộp lại 40.000.000đồng (Một trăm triệu đồng);
- Bà Lê Hồng Y phải nộp lại 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Bà Nguyễn Thị V phải nộp lại 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng);
- Bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp lại 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng);
- Bà Nguyễn Thanh P phải nộp lại 22.000.000đồng (Hai mươi hai triệu đồng);
- Bà Nguyễn Thanh P phải nộp lại 5.000.000đồng (Năm triệu đồng);
- Ông Cao Vũ L phải nộp lại 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng);

- Bà Mai Thị N phải nộp lại 8.000.000đồng (Tám triệu đồng);

- Ông Lê Phước T phải nộp lại 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng).

* Đối với khoản tiền lãi 326.885.531đồng tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm, những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

2.2. Về xử L vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sổ tay màu vàng ở bìa có ghi "sổ ghi công" bên trong có ghi chữ, số và ký tự được đA số (01); 01 (một) quyển vở bìa có chữ ABC bên trong có ghi chữ, số và ký tự được đA số (02); 01 tờ lịch 07/01/2021, mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số (03); 01 (một) tờ giấy có ghi chữ, số và ký tự được đA số (04); 01 (một) bảng kê các loại tiền chi mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số (05); 01 (một) tờ giấy đôi có ghi chữ, số và ký tự được đA số (06); 02 (hai) giấy nộp tiền 17/9/2021 của Nguyễn Thị V (07) và (08); 01 (một) tờ giấy đôi có ghi chữ, số và ký tự được đA số (09); 01 (một) tờ lịch 11/02/2019, mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số (10); 13 (mười ba) tờ giấy có ghi chữ, số và ký tự được đA số thứ tự từ 01 đến 13; 13 (mười ba) tờ giấy nộp tiền của Nguyễn thị V đA số thứ tự từ 01 đến 13; 09 (chín) tờ lịch mặt sau có ghi chữ, số và ký tự được đA số 01 đến 09.

- Giao trả lại cho bị cáo các vật chứng gồm: Chứng minh nhân dân số 125.444.751 của Nguyễn Thị V; ngày sinh 05/02/1973; Nơi cư trú: Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh (nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh; cấp ngày 22/7/2008); căn cước công dân số 079.088.003.397 mang tên Nguyễn Ngọc V, ngày sinh: 28/9/1988, nơi cư trú: 124/17 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh; 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân số 024.527.185 của Huỳnh Thị Mỹ H; Ngày sinh: 13/10/1957; Nơi cư trú: 205/18A44 Tân Hòa Đông, P.14, Q.6, Tp. Hồ Chí Minh và 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân số 260.977.044 của Bùi Thị Xuân H; Ngày sinh: 1984; Nơi cư trú: Phước Thể, Tuy Phong, B Thuận.

- Giao trả lại cho bà Nguyễn Thanh P giấy phép lái xe số 771.952.000.210 của Nguyễn Thanh P, ngày sinh: 05/05/1974, nơi cư trú: Khu 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Giao trả lại cho ông Lê Phước T giấy chứng minh nhân dân số 370.737.763; họ tên Lê Phước T; sinh ngày: 1975; nơi ĐKHK thường trú: Hoà Thuận I, Mong Thọ A, Châu Thành, Kiên Giang; cấp ngày: 21/11/2016; nơi cấp: Công an tỉnh Kiên Giang.

(Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo đang

quản L theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27-01-2022).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo V phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- PV 06 CA tỉnh BR-VT;
- PC 10 CA tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Côn Đảo;
- Công an huyện Côn Đảo;
- Chi Cục THADS huyện Côn Đảo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Dung